

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/TTr-BCA

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Thi hành án hình sự được Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng đối với hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung, đối với lĩnh vực thi hành án hình sự nói riêng, thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta đối với người chấp hành án, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan; kế thừa những quy định còn phù hợp và bổ sung các quy định mới nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự; tiếp tục cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong đổi mới phương thức quản lý, giám sát, giáo dục đối với người thi hành án hình sự tại cộng đồng nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới và bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự được xây dựng dựa trên cơ sở chính trị, pháp lý sau:

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó, nêu rõ về định hướng “tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án. Hoàn thiện cơ chế thi hành án hình sự theo hướng nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác

quản lý giáo dục, cải tạo người đang chấp hành hình phạt tù, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; bảo đảm và bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó, chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm.

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó đề ra giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh (Nghị quyết số 36/NQ-TW).

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, trong đó đề ra nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

- Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã bổ sung các quy định nhằm cụ thể hoá quyền con người quy định tại Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, để tiếp tục cụ thể hoá các quy định về quyền con người, bảo đảm nguyên tắc “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013), thì cần nghiên cứu sửa đổi các quy định về thi hành án hình sự; trong đó, bổ sung quy định về một số quyền của người đang chấp hành hình phạt tù, quy định về việc thực hiện chế độ đối với người đang chấp hành hình phạt tù và người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua 05 năm triển khai thực hiện, công tác thi hành án hình sự từng bước đi vào nề nếp, nghiêm minh, chặt chẽ, các quyền và chế độ của người chấp hành án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần phục vụ hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong giáo dục, cải tạo người phạm tội. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã bộc lộ những khó khăn, vướng mắc, bất cập và đặt ra yêu cầu cần thiết phải tiến hành sửa đổi, bổ sung để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, phù hợp với điều kiện, tình hình mới, cụ thể như sau:

Một là, hoàn thiện quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trong công tác thi hành án hình sự bảo đảm tăng cường phân cấp, phân quyền

Một số quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trong công tác thi hành án hình sự trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã bộc lộ khó khăn, vướng mắc, bất cập chưa đáp ứng yêu cầu công tác thi hành án thời gian qua dẫn đến hạn chế hiệu quả công tác này, ảnh hưởng đến quyền, chế độ của người chấp hành án và thân nhân; đồng thời, còn chưa đồng bộ với quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Cụ thể như sau: (1) Lực lượng Công an xã thời gian qua đã tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, giáo dục, quản lý người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng đạt hiệu quả tích cực; tuy nhiên, hiện nay lực lượng Công an chính quy đã được bố trí tại tất cả các xã, thị trấn trên cả nước và đang tiếp tục được kiện toàn, nâng cao về số lượng và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự ở cơ sở nói chung, bảo đảm trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, giáo dục, quản lý người chấp hành án hình sự tại cộng đồng nói riêng nhưng chưa được giao chủ trì thực hiện quản lý, giáo dục, giám sát người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng; (2) Chưa có quy định thẩm quyền của trại tạm giam trong trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù đang giam giữ tại trại tạm giam đi khám bệnh, chữa bệnh, trích xuất đối với người đang chấp hành hình phạt tù có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam, trại tạm giam đi tiêm chủng; chưa có quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong phối hợp với cơ quan thực hiện thủ tục khai tử để thực hiện khai tử đối với người đang chấp hành hình phạt tù chết và gửi trích lục khai tử cho cơ quan thực hiện thủ tục khai tử; (3) Chưa có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị Quân đội trong quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; (4) Chưa quy định thẩm quyền của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong việc ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt người chấp hành án hình sự tại cộng đồng bỏ trốn; (5) Chưa có quy định thẩm quyền thu thập thông tin sinh trắc học của người đang chấp hành án hình sự trong trường hợp chưa có thông tin để phục vụ công tác quản lý thi hành án hình sự và phòng, chống tội phạm...

Hai là, hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ và chế độ của người chấp hành án

Quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyền, nghĩa vụ và chế độ của người chấp hành án còn chưa thực sự đồng bộ với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, một số quy định đã bộc lộ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện như: (1) Chưa có quy định về thời gian thực hiện thăm gặp thân nhân, thời gian thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự bằng hình thức trực tuyến trong trường hợp dịch bệnh phức tạp; chưa có quy định về thời gian

thực hiện thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự...; (2) Chưa có quy định đối với trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ với lý do bệnh nặng nhưng bệnh án hoặc kết luận giám định y khoa của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang điều trị, bệnh viện cấp quân khu xác định sức khoẻ của họ chưa phục hồi; (3) Luật chưa đồng bộ với quy định Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023; (4) Luật chưa có quy định về thu thập thông tin về sinh trắc học của người chấp hành án trong trường hợp chưa có thông tin để phục vụ công tác quản lý thi hành án hình sự và phòng, chống tội phạm; (5) Chưa có quy định về quyền của người đang chấp hành hình phạt tù được hiến mô, bộ phận cơ thể; (6) Quy định về chế độ của người đang chấp hành hình phạt tù (lao động, ăn, nhận quà, chăm sóc y tế, trích xuất, khen thưởng, xử lý vi phạm...) có một số hạn chế, bất cập; (7) Chưa có quy định về giải quyết trường hợp người chấp hành án hình sự ngoài cộng đồng có nguyện vọng làm việc, học tập ngoài nơi cư trú; (8) Chưa có quy định về nghĩa vụ của người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù...

Từ những cơ sở nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án hình sự năm 2019 là cần thiết và khách quan.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

Sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án hình sự năm 2019 nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự; đổi mới phương thức quản lý, giám sát, giáo dục đối với người thi hành án hình sự tại cộng đồng; nâng cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cơ chế thi hành án hình sự, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế và thực tiễn công tác thi hành án hình sự của một số quốc gia trên thế giới bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

d) Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính kế thừa, tính khả thi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT

Với mục đích và quan điểm nêu trên thì phạm vi điều chỉnh của Luật cơ bản được giữ nguyên so với Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trong đó, dự kiến sửa đổi 74/207 điều của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, bổ sung 09 điều; những quy định được sửa đổi, bổ sung này nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; giải quyết những tồn tại, khó khăn trong thực tiễn hiện nay và đáp ứng yêu cầu công tác thi hành án hình sự trong thời gian tới.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

2. Xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo Luật.

3. Đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

4. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Luật và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Ngày.../.../..., Bộ Tư pháp có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP về việc thẩm định đối với Hồ sơ dự án Luật. Bộ Công an đã có Báo cáo số .../BC-BCA ngày .../.../... giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Ngày .../.../2025, Bộ Công an có Tờ trình số .../TTr-BCA trình Chính phủ dự án Luật.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm 03 điều, Điều 1 quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế cụm từ, bãi bỏ một số nội dung thuộc 74 điều của Luật thi hành án hình sự hiện hành và bổ sung 09 điều mới; Điều 2 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 Bộ luật Hình sự; Điều 3 quy định về hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Điều 1 dự thảo Luật gồm các nội dung sau:

- Bổ sung đối tượng hoãn chấp hành hình phạt tù và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vào phạm vi điều chỉnh tại Điều 1.

- Bổ sung quy định về thân nhân người chấp hành án, hoãn chấp hành hình phạt tù, về thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù tại Điều 2.

- Bổ sung nguyên tắc về ứng dụng khoa học công nghệ trong thi hành án hình sự tại Điều 4.

- Bổ sung Công an xã, phường, thị trấn là cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự tại Điều 11.

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn “thu thập thông tin sinh trắc học của người chấp hành án trong trường hợp chưa có thông tin” của Cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu tại Điều 15.

- Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong thu thập thông tin sinh trắc học của người chấp hành án trong trường hợp chưa có thông tin; tổ chức thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện; ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt người chấp hành án bỏ trốn tại Điều 16.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của trại giam tại Điều 17 trong thu thập thông tin sinh trắc học của người đang chấp hành hình phạt tù trong trường hợp chưa có thông tin; chỉ nhận tài sản, tiền do cơ quan thi hành án dân sự chuyển đến để giao cho người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; quyết định trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù; tổ chức của trại giam và sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, trình độ của Đội trưởng, Phó đội trưởng của Trại giam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Bổ sung thẩm quyền của Giám thị trại tạm giam tại Điều 18 trong lập hồ sơ đề nghị đặc xá, đại xá cho người đang chấp hành hình phạt tù; quyết định trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù phục vụ yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh, quản lý, lao động, học tập; người đang chấp hành hình phạt tù đến khu điều trị tại bệnh viện để phục vụ người đang chấp hành hình phạt tù bị bệnh nặng không tự phục vụ bản thân được, người đang chấp hành hình phạt tù có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam phải đưa đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài trại giam, trại tạm giam, tiêm chủng.

- Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã tại Điều 19 theo hướng: (1) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp giáo dục người được hưởng án treo, người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; phối hợp giáo dục người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành hình phạt quản chế; trường hợp người chấp hành

án chết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú hoặc nơi người chấp hành án chết có trách nhiệm phối hợp cơ quan thực hiện thủ tục khai tử để thực hiện khai tử đối với người chấp hành án; gửi trích lục khai tử cho cơ quan thực hiện thủ tục khai tử; (2) Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; kiểm soát, giáo dục người chấp hành hình phạt quản chế.

- Bổ sung quy định người bị kết án phạt tù đang bị tạm giam mà có thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại dưới 06 tháng từ khi có quyết định thi hành án thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định họ chấp hành án tại trại tạm giam đang giam họ tại Điều 23.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thi hành quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù tại Điều 25.

- Bổ sung 01 điều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị quân đội trong quản lý người được hoãn chấp hành hình phạt tù (Điều 25a) với nội dung cơ bản sau: (1) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã được giao quản lý người được hoãn chấp hành hình phạt tù; (2) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quân đội được giao quản lý người được hoãn chấp hành hình phạt tù.

- Bổ sung 01 điều (Điều 25b) quy định về nghĩa vụ của người được hoãn chấp hành hình phạt tù.

- Bổ sung quy định người đang chấp hành hình phạt tù được hiến mô, một phần bộ phận cơ thể; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định pháp luật về hiến mô, bộ phận cơ thể người tại Điều 27.

- Bổ sung quy định thu thập thông tin sinh trắc học của người đang chấp hành hình phạt tù trong trường hợp chưa có thông tin khi tiếp nhận người chấp hành hình phạt tù tại Điều 28.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc bố trí giam riêng đối với người đang chấp hành hình phạt tù có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ đưa đi giám định sức khỏe, chờ kết quả giám định và quyết định của Tòa án tại Điều 30.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ lao động của người đang chấp hành hình phạt tù, tổ chức lao động cho người đang chấp hành hình phạt tù và sử

dụng kết quả lao động của người đang chấp hành hình phạt tù tại Điều 32 và Điều 33 Luật hiện hành.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xếp loại chấp hành án theo hướng bỏ kết quả khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của người đang chấp hành hình phạt tù gây ra để nhận xét, đánh giá và xếp loại chấp hành án tại Điều 35.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù tại Điều 36 theo hướng bổ sung cơ quan đang thụ lý vụ án đối với người chấp hành hình phạt tù bị tạm giam để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử có thẩm quyền đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù và lập hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù tại Điều 37.

- Bổ sung 01 điều (Điều 37a) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị quân đội trong quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù với nội dung cơ bản sau: (1) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã được giao quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; (2) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quân đội được giao quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

- Bổ sung 01 điều (Điều 37b) quy định về nghĩa vụ của người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trích xuất người đang chấp hành hình phạt tù; về khen thưởng người đang chấp hành hình phạt tù; về xử lý người đang chấp hành hình phạt tù vi phạm; về trả tự do cho người đang chấp hành hình phạt tù; về chế độ ăn, ở đối với người đang chấp hành hình phạt tù; về chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người đang chấp hành hình phạt tù; chế độ gặp, nhận quà của người đang chấp hành hình phạt tù; về thủ tục thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự; về chế độ liên lạc của người đang chấp hành hình phạt tù; về chế độ chăm sóc y tế đối với người đang chấp hành hình phạt tù tại các điều: 40, 41, 43, 46, 48, 50, 52, 53, 54, 55.

- Bổ sung 01 điều (Điều 55a) quy định về giải quyết trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù có nguyện vọng hiến mô, một phần bộ phận cơ thể người và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục giải quyết trường hợp người đang chấp hành hình phạt tù chết; về nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện ra khỏi nơi cư

trú để làm việc; bổ sung nghĩa vụ *chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền* tại Điều 56 và Điều 61.

- Bổ sung 01 điều (Điều 68a) quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 69.

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết trường hợp người được hưởng án treo ra khỏi nơi cư trú để làm việc của Công an cấp xã; bổ sung nghĩa vụ *chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền của người được hưởng án treo*; sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo tại các điều: 86, 87, 90, 92.

- Bổ sung 01 điều (Điều 92a) quy định về giải quyết trường hợp người được hưởng án treo có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú.

- Sửa đổi nhiệm vụ của Công an cấp xã trong báo cáo, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đề nghị Tòa án có thẩm quyền quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù tại Điều 93.

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ ra khỏi nơi cư trú để làm việc của Công an cấp xã tại Điều 98; bổ sung nghĩa vụ *chỉ được cư trú trên địa bàn cấp xã theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ* tại Điều 99; sửa đổi, bổ sung thẩm quyền của Công an cấp xã trong giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tại Điều 100.

- Bổ sung 01 điều (Điều 100a) quy định về giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền của Công an cấp xã; điều kiện giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; về thành phần hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; về thành phần hồ sơ miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tại các điều 101, 102, 103, 104, 105.

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế ra khỏi nơi cư trú để học tập, làm việc của Công an cấp xã tại Điều 113 và Điều 115.

- Bổ sung 01 điều (Điều 115a) quy định về giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt quản chế có nguyện vọng làm việc ngoài nơi cư trú.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện tại Điều 178.

- Bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tại Điều 195 và Điều 196.

- Thay thế cụm từ “người đang chấp hành hình phạt tù” bằng cụm từ “người đang chấp hành hình phạt tù” trong Luật Thi hành án hình sự.

- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” bằng cụm từ “Công an cấp xã” tại các điều 25, 36, 37, 39, 46, 51, 58, 59, 61, 62, 65, 66, 67, 83, 84, 85, 86, 87, 90, 91, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 117, 125, 129, 130, 131 Luật Thi hành án hình sự.

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 98, khoản 2 Điều 108, khoản 2 Điều 113, điểm b khoản 1 Điều 192 Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Điều 2 dự thảo Luật quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 Bộ luật Hình sự, dự thảo Luật quy định người đang chấp hành hình phạt tù mà bị tạm giam phục vụ điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án khác thì được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

2.3. Điều 3 dự thảo Luật quy định về hiệu lực thi hành, dự kiến luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự cần bảo đảm các nguồn lực sau đây:

- Kinh phí để tổ chức thực hiện quy định về thu thập, xử lý thông tin sinh trắc học của người chấp hành án: 50.000.000.000 đồng/năm.

- Kinh phí xây dựng Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành dự kiến khoảng 2.090.000.000 đồng.

- Kinh phí để tổ chức triển khai thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành trên thực tế (biên soạn tài liệu, tổ chức hội nghị tập huấn trong cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về thi hành án hình sự, phổ biến đến quần chúng nhân dân...) khoảng 2.000.000.000 đồng.

2. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự sau khi được Quốc hội thông qua, nguồn nhân lực bảo đảm là đội ngũ nhân lực hiện đang được giao thực hiện công tác quản lý, công tác thi hành án hình sự thuộc biên chế trong cơ quan quản lý thi hành án hình sự,

cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự, xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Ngọc Lâm

Trung tướng Nguyễn Ngọc Lâm

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /TTr-BCA

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an kính trình Chính phủ dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam được Quốc hội khóa XIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015). Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thống nhất tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tạm giữ, tạm giam. Luật đã quy định nhiều nội dung mới quan trọng nhằm thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp; đồng thời, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự; đánh dấu bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về an ninh, trật tự nói riêng; đáp ứng yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong việc áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam. Việc sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 được xây dựng dựa trên cơ sở chính trị, pháp lý sau:

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022) đề ra bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân cần "*Tiếp tục thể*

ché hoá, cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” và nhiệm vụ xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự, trong đó cần “Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó, chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm.

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, trong đó đề ra giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh.

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, trong đó đề ra nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó, có nội dung Nhà nước ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để người dân và doanh nghiệp là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã bổ sung các quy định nhằm cụ thể hoá quyền con người quy định tại Hiến pháp năm 2013, tuy nhiên, để tiếp tục cụ thể hoá các quy định về quyền con người, bảo đảm nguyên tắc “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013), thì cần nghiên cứu sửa đổi các quy định về thi hành tạm giữ, tạm giam, trong đó, bổ sung các quy định về thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: (1) Công tác chỉ đạo, điều

hành, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tạm giữ, tạm giam được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, chặt chẽ trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; (2) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật được tiến hành kịp thời đồng bộ với nội dung và hình thức đa dạng, sinh động; (3) Hệ thống tổ chức của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam được kiện toàn từ cấp bộ, cấp tỉnh đến cấp huyện đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, hiện nay, cả nước có 78 trại tạm giam, 720 nhà tạm giữ, 247 buồng tạm giữ (Bộ Công an đang quản lý 69 trại tạm giam, 703 nhà tạm giữ, Bộ Quốc phòng quản lý 09 trại tạm giam, 17 nhà tạm giữ và 247 buồng tạm giữ của đồn biên phòng); (4) Việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ từ khâu tiếp nhận, phân loại, bố trí giam giữ, điều chuyển trích xuất, xử lý kỷ luật và giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, chết, phạm tội mới từng bước đi vào nền nếp, thống nhất; việc thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam nói chung, người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, thực hiện chế độ đối với người bị kết án tử hình đang bị tạm giam được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; (5) Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý giam giữ đã và đang được Nhà nước quan tâm đầu tư, xây dựng. Biên chế cán bộ, chiến sĩ ngày càng tăng về chất lượng; cán bộ, chiến sĩ công tác ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ, buồng tạm giữ đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ nên đã hạn chế nhiều sai phạm xảy ra; (6) Việc thực hiện cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam bước đầu đã đạt được hiệu quả; công tác kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam đạt hiệu quả tốt, khắc phục, xử lý ngay những vi phạm trong công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; (7) Công tác phối hợp giữa cơ sở giam giữ với các cơ quan có thẩm quyền tố tụng, các cơ quan có liên quan đến công tác thi hành tạm giữ, tạm giam được duy trì thường xuyên, liên tục, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sau hơn 06 năm triển khai thi hành, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

Một là, phạm vi điều chỉnh của Luật chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, do đó, cần nghiên cứu mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật để bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) thì có 08 biện pháp ngăn chặn gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Trong đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định tương đối cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành các biện pháp ngăn chặn, gồm: Giữ người trong trường hợp

khẩn cấp, bắt, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh nên thuận lợi trong quá trình thi hành. Đối với biện pháp tạm giữ, tạm giam đã được quy định trong Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, còn biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú chưa được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục để thi hành nên còn khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Theo quy định, cấm đi khỏi nơi cư trú là một trong tám biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cụ thể như sau: (1) Không đi khỏi nơi cư trú nếu không được cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho phép; (2) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; (3) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; (4) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì bị tạm giam.

Thực hiện các quy định của pháp luật, trong thời gian từ 01/01/2018 đến hết ngày 30/6/2024, các cơ quan điều tra của Công an nhân dân đã quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 342.080 đối tượng. Theo thống kê, các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 2.750 đối tượng phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, 11.404 đối tượng phạm tội rất nghiêm trọng, 77.006 đối tượng phạm tội nghiêm trọng và 253.556 đối tượng phạm tội ít nghiêm trọng; 22.350 đối tượng là chủ mưu, cầm đầu, 57.098 đối tượng là đồng phạm trong các vụ án; 21.813 đối tượng đã có tiền án, tiền sự. Trong tổng số 342.080 đối tượng được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 21.813 đối tượng do được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về tình hình vi phạm của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 3.861 đối tượng vi phạm nghĩa vụ theo quy định của khoản 3 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trở lại đối với 2.007 đối tượng vi phạm nghĩa vụ; ban hành 2.030 lệnh truy nã (đã bắt được 1.715 đối tượng) và có 845 đối tượng tiếp tục phạm tội mới.

Từ thực tiễn nêu trên thấy rằng, việc thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú còn nhiều bất cập, nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do: (1) Chưa có trình tự, thủ tục thi hành biện pháp này kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Do đó, cần mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 để bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; đồng thời, đổi tên Luật thành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Cùng với đó, dự thảo Luật sẽ bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (cơ quan có trách nhiệm thi hành, cơ chế giám sát, quản lý để thi hành biện pháp ngăn chặn).

Hai là, một số quy định về công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc, bất cập làm giảm hiệu quả công tác quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; do đó cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam

Quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam là công tác quan trọng trong thi hành tạm giữ, tạm giam, trong những năm qua việc thực hiện quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ khâu tiếp nhận, phân loại, bố trí giam giữ, điều chuyên trích xuất, xử lý kỷ luật và giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, chết, phạm tội mới từng bước đi vào nền nếp, thống nhất. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như: (1) Chưa có quy định cụ thể về: Chuyển giao người bị bắt theo quyết định truy nã cho cơ quan đã ra quyết định truy nã, khi có quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền; thời điểm thực hiện các công việc để tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp trước thời điểm tổ chức tiếp nhận mà người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị bệnh nặng cần kịp thời điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế; quy định về điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam; trích xuất phục vụ công tác giam giữ, tham gia thực hiện giao dịch dân sự...; (2) Chưa có các quy định mang tính nguyên tắc về: Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào quá trình quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại các cơ sở giam giữ; việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng mang tính đặc thù để đảm bảo sự bảo mật và an toàn tuyệt đối; việc sắp xếp, bố trí các khu vực trong cơ sở giam giữ đảm bảo tính khoa học, phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý giam giữ và các công tác khác.

Do đó, để giải quyết những vấn đề nêu trên cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Ba là, một số quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc, bất cập, chưa đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của họ; do đó cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

Sau hơn 06 năm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 một số quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm

giam đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Những vướng mắc, bất cập: Chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, của người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án chưa thực sự hoàn thiện như: Chưa có quy định cụ thể về chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù, người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án; chưa có quy định về nhận tiền của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chưa có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án để đảm bảo tốt nhất quyền của họ; ngoài ra, số lượng người bị kết án tử hình liên tục tăng, trong khi đó cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ để phục vụ quản lý, giam giữ tại một số trại tạm giam chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải giam giữ, mất an ninh, an toàn, không đảm bảo tốt nhất quyền của họ; do đó, cần có quy định mang tính nguyên tắc về các điều kiện bảo đảm phục vụ quản lý chặt chẽ đối với người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án.

- Một số quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (hiện nay Luật này đã bỏ quy định về hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước theo tuyến mà quy định theo các cấp khám chữa bệnh); Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 (Luật đã quy định quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam).

Do đó, để giải quyết những vấn đề nêu trên cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm hoàn thiện quy định chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Với những lý do nêu trên thì việc nghiên cứu để sửa đổi Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 là yêu cầu cấp thiết, khách quan và bảo đảm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác thi hành tạm giữ, tạm giam trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

Mục đích xây dựng Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; tiếp tục cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc áp dụng khoa học – kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đề cao hiệu quả phòng ngừa trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ quyền con người,

quyền công dân, bảo vệ lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

a) Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cơ chế thi hành tạm giữ, tạm giam, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế và thực tiễn công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú của một số quốc gia trên thế giới bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

d) Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính kế thừa, tính khả thi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú điều chỉnh về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; chế độ quản lý giam giữ; chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam; người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; thi hành quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; khiếu nại tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan có liên quan.

2. Xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; lấy ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo Luật.

3. Đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

4. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Luật và gửi Bộ Tư pháp để thẩm định. Ngày.../.../202..., Bộ Tư pháp có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP về việc thẩm định

đổi với Hồ sơ dự án Luật. Bộ Công an đã có Báo cáo số/BC-BCA ngày .../.../202.../ giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Ngày .../.../202..., Bộ Công an có Tờ trình số .../TTTr-BCA trình Chính phủ dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Ngày .../.../202..., Thường trực Chính phủ đã họp cho ý kiến về dự án Luật. Bộ Công an đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại phiên họp này để hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật gồm 12 chương (trong đó bổ sung 01 chương mới), 75 điều (tăng 02 điều so với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015), trong đó, sửa đổi, bổ sung nội dung 36 điều, xây dựng mới 10 điều, bỏ 08 điều, giữ nguyên 28 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 08 điều: từ Điều 1 đến Điều 8);

Chương II. Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 03 điều: từ Điều 9 đến Điều 11);

Chương III. Chế độ quản lý giam giữ (gồm 11 điều: từ Điều 12 đến Điều 22);

Chương IV. Chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (gồm 05 điều: từ Điều 23 đến Điều 27);

Chương V. Chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (gồm 04 điều: từ Điều 28 đến Điều 31);

Chương VI. Chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (gồm 02 điều: Điều 32 và Điều 33);

Chương VII. Thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 07 điều: từ Điều 34 đến Điều 40);

Chương VIII. Bảo đảm điều kiện quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 04 điều: từ Điều 41 đến Điều 44);

Chương IX. Kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 02 điều Điều 45 và Điều 46);

Chương X. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 02 mục và 20 điều: từ Điều 47 đến Điều 66);

Chương XI. Trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 6 điều: từ Điều 67 đến Điều 72);

Chương XII. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều: từ Điều 73 đến Điều 75).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Về những quy định chung (Chương I)

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; kiểm sát hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; giám sát việc thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; những hành vi bị nghiêm cấm; quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bỏ 01 điều về đối tượng áp dụng cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về “Phạm vi điều chỉnh” tại Điều 1 theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam bổ sung quy định về thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; việc sửa đổi nội dung của điều này để phù hợp với bố cục, nội dung được quy định trong dự thảo Luật này.

- Bổ sung giải thích từ ngữ về người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; sửa đổi giải thích từ ngữ về thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo hướng thân nhân của người bị tạm giữ, người bị tạm giam bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột, cô ruột, cháu ruột của họ. Việc sửa đổi này tạo sự thống nhất trong cách hiểu trong dự thảo Luật và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Bổ sung các quy định có liên quan đến thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Việc bổ sung này để hoàn thiện quy định về tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.2. Về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương II)

Chương này quy định về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; hệ thống tổ chức cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; mô hình của nhà tạm giữ, trại tạm giam.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Sửa đổi về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú theo hướng quy định mang tính nguyên tắc

về hệ thống tổ chức các cơ quan này và giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, hệ thống cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc Bộ Công an, thuộc Bộ Quốc phòng; quyết định thành lập, giải thể, quy mô, tổ chức lại, tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn cơ sở giam giữ; ban hành nội quy của cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Việc sửa đổi này nhằm đảm bảo tính ổn định của Luật, tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bổ sung Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát Biển là cơ quan quản lý, Buồng tạm giữ của Cảnh sát Biển là cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân để đảm bảo phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan trong Quân đội nhân dân.

2.3. Về chế độ quản lý giam giữ (Chương III)

Chương này quy định về tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam; phân loại quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam; thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chuyển giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam; việc gặp thân nhân, người bào chữa, của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; việc tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; kỷ luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ; quản lý đồ vật, tư trang, tiền, tài sản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

- Trách nhiệm thực hiện ngay các công việc khi tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam, riêng đối với một số nhiệm vụ như lập danh chỉ bản, khám sức khỏe sẽ quy định cụ thể thời hạn thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn; bổ sung nội dung về thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt, ADN, giọng nói đối với những trường hợp chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu căn cước;

- Quy định về trước thời điểm tổ chức tiếp nhận mà người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị bệnh nặng cần kịp thời điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế theo hướng người đã có lệnh, quyết định tạm giữ, tạm giam bị thương tích, bệnh nặng cần phải điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế, nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc đe dọa đến tính mạng của họ thì cơ quan đang thụ lý vụ án áp giải ngay người đó đến cơ sở y tế và phối hợp với cơ sở giam giữ, cơ sở y tế tổ chức bàn giao, tiếp nhận và quản lý theo quy định;

- Quy định về thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói và cụ thể các tài liệu hồ sơ kèm theo khi bàn giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam;

- Thẩm quyền của Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam, Trưởng buồng tạm giữ đồn biên phòng, Trưởng buồng tạm giữ của Cảnh sát biển phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án quyết định bằng văn bản những người đang bị quản lý, giam giữ tại cơ sở giam giữ được giam giữ chung; bổ sung quy định bố trí theo khu và phân loại đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người bị nhiễm HIV/AIDS và người đang chấp hành án phạt tù;

- Quy định về việc áp giải, quản lý và kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ ăn, ở, sinh hoạt đối với người được trích xuất, trong đó đối với trường hợp thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam phục vụ công tác xét xử thì không giao cho cơ quan, người có thẩm quyền ra lệnh trích xuất mà người này vẫn thuộc quản lý của cơ quan thực hiện nhiệm vụ áp giải.

Những sửa đổi, bổ sung này nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, khả thi cho tổ chức, hoạt động, quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam và nâng cao hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam trong thực tiễn.

2.4. Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV), chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V) và chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI).

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV) quy định về các chế độ: Ăn, ở; mặc và tư trang; gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu; chăm sóc y tế; sinh hoạt tinh thần của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý và gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi; chế độ ăn, ở và quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Về chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau: (1) Quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam được nhận tiền gửi lưu ký để ăn thêm cho phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về việc cơ sở giam giữ tổ chức căng tin và giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về danh

mục hàng hóa và giá bán trong căng tin; (2) Quy định về gửi, nhận thư, sách báo và tài liệu, chế độ chăm sóc y tế của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; (3) Quy định về chế độ sinh hoạt tinh thần của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, trong đó người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng kinh sách và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật và được cấp phát báo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; (4) Quy định mang tính nguyên tắc về chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù, người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án và giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về nội dung này; quy định về ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong quản lý giam giữ đối với người thi hành án tử hình đảm bảo an toàn.

Những sửa đổi, bổ sung này nhằm hoàn thiện các quy định về chế độ, chính sách người bị tạm giữ, người bị tạm giam, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo chính sách nhân đạo, quyền con người.

2.5. Về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương VII)

Chương này quy định về: Gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú; giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc; xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ.

Để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã nêu ở trên, cần thiết phải bổ sung quy định gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú; giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc; xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ.

Do đó, Luật mở rộng phạm vi điều chỉnh bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.6. Về bảo đảm điều kiện quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương VIII)

Chương này quy định về: Bảo đảm biên chế, nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; sử dụng vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam

và cấm đi khỏi nơi cư trú; cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung nội dung về cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều luật.

2.7. Về kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương IX) và khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương X)

- Về kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam (Chương IX) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương X), Chương này có 02 mục gồm: (1) Mục 1 quy định khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; khiếu nại trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú; những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, của người bị khiếu nại; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân; thời hạn giải quyết khiếu nại và gửi quyết định giải quyết khiếu nại; hồ sơ giải quyết khiếu nại; trình tự, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; thủ tục, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; (2) Mục 2 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; tố cáo trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú; quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, của người bị tố cáo; hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo; trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, các Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung 02 Điều Luật về khiếu nại và tố cáo trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú.

2.8. Về trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương XI)

Chương này quy định về trách nhiệm của Chính phủ, các bộ: Công an, Quốc phòng; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bỏ 04 điều và sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng mô hình cơ sở giam giữ, các tiêu chuẩn ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân.

2.9. Về điều khoản thi hành (Chương XIII), trong đó quy định thời điểm Luật có hiệu lực thi hành và quy định chi tiết, đồng thời, bổ sung quy định về việc sửa đổi khoản 5 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cho đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

VI. DỰ KIẾN, NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, cần bảo đảm các nguồn lực sau đây:

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật sau khi được Quốc hội thông qua (biên soạn tài liệu, tổ chức hội nghị tập huấn trong cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, phổ biến đến quần chúng nhân dân) khoảng 2.000.000.000 đồng.

- Kinh phí sửa đổi, bổ sung Luật; các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật: (1) Chi phí sửa đổi, bổ sung Luật, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành (dự kiến 01 luật, 01 nghị định, 01 thông tư liên tịch và 12 thông tư): Chi phí xây dựng 01 luật ban hành mới, thay thế là 2.000.000.000đ; chi phí xây dựng 01 nghị định ban hành mới, thay thế là 90.000.000đ; chi phí xây dựng 01 thông tư liên tịch ban hành mới, thay thế là 45.000.000đ; chi phí xây dựng 11 thông tư ban hành mới, thay thế là: 11 thông tư x 45.000.000đ/01 thông tư = 495.000.000đ. Tổng chi phí dự kiến là 2.630.000.000 đồng.

- Kinh phí đảm bảo thực hiện thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là: 90.000.000.000đ.

Theo đó, tổng kinh phí bảo đảm thi hành các chính sách trong Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật là: 94.630.000.000đ

Đây là các khoản chi phí cần thiết và tất yếu để triển khai thi hành Luật và nâng cao chất lượng quản lý tại cơ sở giam giữ trong thời gian tới. Nguồn kinh phí bảo đảm chi phí nêu trên sẽ được cân đối từ ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác; ngân sách nhà nước bảo đảm trên thực tế là không lớn và khả thi.

2. Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú sau khi được Quốc hội thông qua, về nguồn nhân lực bảo đảm là đội ngũ nhân lực hiện đang được giao thực hiện nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, Bộ Công an xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật; (3) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (4) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương và bản chụp các ý kiến tham gia; (5) Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật; (6) Bản thuyết minh; (7) Bản so sánh Luật; (8) Dự thảo các văn bản quy định chi tiết Luật). ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo)
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, V03.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn

Trương tương Nguyễn Ngọc Lâm